

**CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH NÉT VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH NÉT VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NET VIET VENTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107603297

**3. Ngày thành lập:** 19/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, nhà Shophouse 19, đường 2.2, KĐT Gamuda Gardens, Phường Trần Phú,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4719        |
| 2.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5610(Chính) |
| 3.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5621        |
| 4.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5629        |
| 5.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5630        |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4773        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230        |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6820        |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe du lịch, vận tải;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 10. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8121        |
| 11. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết:<br>- Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống;<br>- Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng;<br>- Vệ sinh máy móc công nghiệp;<br>- Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...;<br>- Vệ sinh đường xá;<br>- Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng;<br>- Quét đường và cào tuyết; | 8129        |
| 12. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8130        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN THI HOÀI TRANG | Số 304 A7, phố Bùi Ngọc Dương, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 980.000.000           | 49,000    | 031177000160                                                                                                                                      |         |
| 2   | LÊ VĂN DƯƠNG        | Tổ 14, Thị trấn Nam Giang, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                              | 1.020.000.000         | 51,000    | 161981571                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN THI HOÀI TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/07/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031177000160

Ngày cấp: 29/07/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 304 A7, phố Bùi Ngọc Dương, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 310 - CT1, khu chung cư Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội